TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BB** **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2021/QĐST-HNGĐ	*BB, ngày 29 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB, TỈNH BT

Với Hội đồng hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn A

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bá Đình T

2/ Ông Trần Ngọc Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham ghia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu V - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bá Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 212; khoản 1 Điều 213; khoản 2 Điều 235; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 55 Luật hjo6n nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Chị Hồ Thị Huyền N với anh Phạm Thành D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện TPĐ, tỉnh ĐT theo trích lục kết hôn số 147/TLKH-BS ngày 08/4/2019.

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của họ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Huyền N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp Lý Quàn 1, xã PĐ, huyện TPĐ, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Phạm Thành D, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu phố Lương Trung, thị trấn LS, huyện BB, tỉnh BT.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Huyền N và anh Phạm Thành D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Huyền N và anh Phạm Thành D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hồ Thị Huyền N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0006382 ngày 22/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB, tỉnh BT. Chi N đã nộp đủ án phí nên không phải nộp nữa.

Anh Phạm Thành D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tụ nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Bá Đình T **Trần Ngọc Đ**	**Nguyễn Tuấn A**